

*CHƯƠNG 1*  
**LÝ LUẬN CHUNG VỀ PHÂN LOẠI VÀ  
PHÂN LOẠI TÀI LIỆU**

**1. KHÁI NIỆM**

■ **Phân loại**

Phân loại là một thuật ngữ được sử dụng rộng rãi trong đời sống xã hội và nhiều ngành khoa học. Phân loại hiểu theo nghĩa rộng là việc sắp xếp, tổ chức các sự vật, hiện tượng và toàn bộ tri thức hoặc thông tin theo một trật tự có hệ thống. Đây là một hoạt động cơ bản, một hoạt động trí tuệ của con người.

Để nhận biết và nghiên cứu về các sự vật hiện tượng, con người đã tiến hành việc phân loại với nhiều mục đích khác nhau.

Gốc của thuật ngữ phân loại trong tiếng La tinh là *Classifacem*. Trong đó *Class* là cấp bậc, loại và *facem* là phân chia. Phân loại là phân chia thành các lớp, các cấp bậc. Sau này nhiều ngôn ngữ đã dùng thuật ngữ phân loại xuất phát từ gốc Latinh đó. Trong tiếng Anh và tiếng Pháp, phân loại đều được viết là *Classification*. Trong tiếng Nga,



phân loại là *Klassifikacija*. Trong tiếng Việt, phân loại vốn là một từ gốc Hán, trong đó phân là chia, tách ra và loại là loài giống. Trong *Từ điển Tiếng Việt* phân loại được định nghĩa là “*Phân ra thành nhiều loại*”.

Có thể hiểu phân loại thực chất là sự phân chia, sắp xếp các sự vật hiện tượng theo những tiêu chí nhất định. Các tiêu chí này được đặt ra trên cơ sở phân tích một số thuộc tính đặc trưng của sự vật, hiện tượng. Từ những thuộc tính này sự vật, hiện tượng sẽ được phân chia thành các lớp, các loại dựa trên những dấu hiệu giống nhau và khác nhau của chúng.

Lớp trong khái niệm phân loại là một tập hợp các đơn vị có cùng chung một hoặc một số đặc tính nhất định. Các đơn vị cùng chung một đặc tính này tạo thành một lớp. Đặc tính của các đơn vị trong lớp tạo nên những đặc tính chung của cả lớp. Đó là những dấu hiệu để nhận dạng ra lớp đó.

Ví dụ: Toán học, Thiên văn học, Vật lý học, Hoá học đều có đặc tính chung là ngành khoa học tự nhiên. Các ngành khoa học tự nhiên đó đã tạo thành lớp khoa học tự nhiên.

Cơ sở để phân chia lớp là những điểm giống nhau và khác nhau của sự vật hiện tượng. Dựa vào đó để người ta phân chia thành lớp và các lớp con. Lớp phân loại bao gồm

lớp khởi đầu và lớp phái sinh. Lớp phái sinh là các lớp được chia ra từ lớp khởi đầu. Nếu cứ tiếp tục chia nhỏ lớp phái sinh đó ta được lớp phái sinh tiếp theo.

Trở lại ví dụ trên *Khoa học tự nhiên* là lớp khởi đầu và *Toán, Thiên văn học, Vật lý học, Hoá học* là các lớp phái sinh.

Lớp có thể phân chia nhỏ tiếp tục được gọi là lớp nút. Lớp nhỏ nhất không thể chia nhỏ hơn được nữa được gọi là lớp cực biên.

Ví dụ: Toán học là lớp phái sinh. Lớp này có thể chia nhỏ thành: Toán học sơ cấp và toán học cao cấp. Toán học sơ cấp lại có thể phân thành: Số học, Đại số học sơ cấp, Hình học sơ cấp và lượng giác học. Trong lượng giác lại có thể phân thành lượng giác phẳng và lượng giác cầu. Đó là lớp nhỏ nhất. Các lớp Toán học, Toán học sơ cấp, Lượng giác là các lớp nút còn lượng giác phẳng và lượng giác cầu là các lớp cực biên.

Sự phân chia các lớp từ khái quát đến cụ thể, từ lớn đến nhỏ, từ chung đến riêng thực chất là việc phân chia theo thứ bậc hay còn gọi là phân chia theo đẳng cấp. Quan hệ đẳng cấp dựa trên nguyên tắc bao trùm và phụ thuộc. Lớp 1 là lớp khởi đầu bao trùm lớp 2, lớp 2 bao trùm lớp 3, lớp 3 bao trùm lớp 4... và ngược lại lớp 4 phụ thuộc lớp 3, lớp 3 phụ thuộc lớp 2 và lớp 2 phụ thuộc lớp 1.

Trong mỗi sự vật hiện tượng đều có những dấu hiệu đặc



trung nhất định giúp cho chúng ta có thể nhận biết về sự vật hiện tượng đó. Việc lựa chọn dấu hiệu đặc trưng nào làm cơ sở để phân loại sẽ quyết định tính chất của việc phân loại. Dựa trên tính chất của các dấu hiệu đặc trưng cho đối tượng phân loại mà việc phân loại được chia thành hai dạng: Phân loại tự nhiên và Phân loại nhân tạo.

#### ■ Phân loại tự nhiên và phân loại nhân tạo

*Phân loại tự nhiên* là dạng phân loại dựa vào những đặc điểm, dấu hiệu giống nhau và khác nhau thuộc bản chất của sự vật, hiện tượng. Cách phân loại này phản ánh mối quan hệ khách quan giữa các sự vật hiện tượng trong quá trình xuất hiện và phát triển của chúng mà không phụ thuộc vào ý muốn của con người.

Dấu hiệu tự nhiên là tính chất cơ bản trong một tổng thể các tính chất của đối tượng được phân loại. Các tính chất này là bản chất của sự vật và hiện tượng, nếu thiếu nó ta không thể nhận dạng hoặc xác định chính xác về đối tượng muốn xem xét, nghiên cứu.

Ví dụ: Sinh vật là khái niệm chỉ các vật sống, bao gồm động vật và thực vật, vì sinh vật có trao đổi chất với môi trường bên ngoài, có sinh đẻ, lớn lên và chết. Để nhận biết về các loại sinh vật khác nhau, người ta chia sinh vật thành ba loại: động vật, thực vật và vi sinh vật. Trong đó động vật là sinh vật có cảm giác và tự vận động được, thực vật là tên gọi chung của các loại cây cỏ và những sinh vật bậc



## *CHƯƠNG 2*

# **LỊCH SỬ CÔNG TÁC PHÂN LOẠI TÀI LIỆU**

### **1. CÔNG TÁC PHÂN LOẠI TÀI LIỆU Ở TRÊN THẾ GIỚI QUA CÁC THỜI KỲ**

#### **1.1 Thời kỳ cổ đại**

Công tác phân loại tài liệu đã được áp dụng từ rất sớm, gắn liền với sự xuất hiện của các thư viện cổ xưa. Theo một số nhà nghiên cứu, ngay từ thế kỷ VII trước Công Nguyên vào thời vua Atsuabanipan tại thư viện của Atxêri đã có tiến hành công tác phân loại tài liệu. Khoảng 20.000 tấm đất sét - sách thời bấy giờ - đã được sắp xếp phân loại theo các nhóm : Lịch sử, luật pháp, kiến thức tự nhiên, ma thuật, giáo lý, thần thoại... Theo các nhà nghiên cứu trong bảng kê tài liệu thời bấy giờ, dưới mục luật pháp có các tiểu mục như:

- Pháp quyền và luật lệ của nhà nước
- Mô tả các quy chế xử án
- Biên bản hồ sơ buôn bán nô lệ.

Đến thế kỷ thứ III trước Công nguyên, tại Aicập đã xuất

hiện thư viện Alêchxăngdri - một thư viện nổi tiếng thời cổ đại với vốn sách gồm 700.000 bản sách viết tay trên da cừu và papirut. Nhà bác học vĩ đại đồng thời cũng là nhà triết học, nhà thơ Calimác Ptôlômep (310 - 240 trước Công nguyên) đã phân loại, sắp xếp và biên mục cho 90.000 bản sách bằng da cừu và papirut. Calimác đã chia tài liệu thành 120 nhóm, tương đương với 120 lớp gồm: anh hùng ca, thơ trữ tình, kịch, lịch sử, triết học, nghệ thuật, khoa học tự nhiên: toán học, địa lý, thiên văn, đạo luật...dựa trên nghề nghiệp của các tác giả. Bên trong các lớp tài liệu được sắp xếp hệ thống theo thời gian.

Vào thế kỷ I sau Công nguyên, thư viện của Lamã cũng đã tiến hành phân loại tài liệu. Theo các nhà nghiên cứu, việc phân loại tài liệu trong các thư viện thời cổ đại đã chịu nhiều ảnh hưởng nhiều của các quan điểm phân loại khoa học của các nhà triết học đương thời. Cùng với sự xuất hiện của triết học các nhà khoa học thời kỳ cổ đại đã có những thử nghiệm đầu tiên để tổng kết, hệ thống hoá những tri thức khoa học ấy. Các nhà triết học cổ đại đã đưa ra các quan điểm phân loại khoa học khác nhau.

Nhà triết học duy tâm Hy Lạp cổ đại Platon (427-347 trước Công nguyên) đã phân chia các ngành khoa học dựa trên khả năng tinh thần của con người. Theo ông con người có ba khả năng cơ bản là trí tuệ (tư duy về các khái niệm), cảm giác (nhận thức các đối tượng tự nhiên) và ý chí



(nguồn gốc hành động của con người). Từ nhận thức này ông đã chia tri thức thành ba nhóm:

- Biện chứng học
- Vật lý học
- Luân lý học.

Theo quan niệm của người xưa khái niệm vật lý thực chất là khoa học. Đối lập với quan điểm duy tâm của Platon, nhà triết học Đê-môcrit đại diện cho trường phái duy vật cổ đại, người mà Mác và Ăngghen đã ví là "*Bộ óc bách khoa đầu tiên trong số các nhà triết học Hy Lạp*" lại khẳng định mọi vật được cấu tạo bởi những nguyên tử khác nhau. Theo ông cơ sở phân loại chung là xuất phát từ thuộc tính của vật chất và quy luật chuyển động của vật chất và nguyên tử. Với nhận thức như vậy, ông đã chia tri thức ra thành bốn lĩnh vực phù hợp với bốn đối tượng nghiên cứu là:

- Vũ trụ
- Con người
- Tư duy
- Phương pháp luận.

Khác với Platon và Đê-môcrit, Aristôt (384-322 trước Công nguyên) lại phân chia tri thức dựa trên hai dấu hiệu là mục đích nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu. Từ thực tế thời kỳ cổ đại chỉ có một khoa học là triết học chứa

chứa đựng những tri thức khoa học đầu tiên về tự nhiên và những tri thức phôi thai về xã hội thời đó, giữa triết học và tất cả các ngành tri thức khác chỉ có một loại quan hệ: sự phụ thuộc của tất cả các ngành kiến thức vào triết học, Aristôt đã phân chia khoa học thành ba nhóm khác nhau:

- Nhóm triết học về lý thuyết bao gồm: Logic học, toán học, vật lý học và siêu hình học.

- Nhóm triết học thực hành bao gồm: Luân lý học, chính trị học và kinh tế học.

- Nhóm triết học sáng tạo bao gồm: thơ ca, tu từ học và nghệ thuật (gồm cả kỹ thuật và nghề thủ công).

Cách phân loại của Aristôt được đánh giá là có ý nghĩa quan trọng, cách phân loại này ảnh hưởng lớn đến sự phân loại khoa học trong thời kỳ trung cổ. Ông đã tìm cách xây dựng một hệ thống duy nhất những khoa học bao gồm mọi ngành tri thức đã biết được thời đó.

Sau Aristôt những người theo chủ nghĩa khắc kỷ, tiêu biểu là nhà triết học Épicure (341-270 trước Công nguyên) đã chia tri thức thành ba nhóm là:

- Vật lý bao gồm học thuyết về tự nhiên nói chung
- Đạo đức bao gồm học thuyết về xã hội
- Logic bao gồm học thuyết về tư duy.

Theo quan niệm của những người theo trường phái khắc



kỷ triết học là quả trứng trong đó lòng đỏ là đạo đức, lòng trắng là vật lý và vỏ trứng là logic.

Ở phương Đông, tại Trung Quốc, thư viện nói chung và công tác phân loại tài liệu nói riêng đã xuất hiện từ rất sớm. Triều Hán đã xây dựng được một thư viện khá đồ sộ với các sách được viết tay trên các thẻ tre. Vào thế kỷ I trước công nguyên, thời Tây Hán tại Trung Quốc thịnh hành cách phân loại của Lưu Hưởng và con là Lưu Hâm, hai ông đã được giao trọng trách quản lý thư viện của nhà vua. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình các ông đã giành ít nhiều sự quan tâm cho việc sắp xếp, mô tả và phân loại sách. Hai ông đã phân chia tài liệu thành 7 nhóm (thất lược):

1. Tập lược (Tập văn)
2. Lục nghệ lược (Bách khoa thư, kinh điển)
3. Chư tử lược (Triết học)
4. Thi phú lược (Thơ văn)
5. Binh thư lược (Quân sự)
6. Thuật số lược (Toán, ảo thuật)
7. Phương kỹ (Thủ công nghệ)

Kế theo đó Lý Xuân, Lý Sang đã được giao trọng trách quản lý thư viện. Trong số những người quản lý thư viện, Lý Xuân đã đưa ra quan điểm phân loại tài liệu riêng của

mình. Ông cũng chia tài liệu thành bảy nhóm, nhưng cách phân chia của ông có phần khác so với cách phân chia của Lưu Hưởng và Lưu Hâm. Trong số bảy nhóm ông dành riêng một nhóm phân loại theo hình thức. Cụ thể ông đã phân chia tài liệu thành bảy nhóm như sau:

1. Tuyển tập
2. Nghệ thuật
3. Triết học
4. Thơ ca
5. Sách quân sự
6. Sách bói toán
7. Sách y học.

Sau Công nguyên, thư viện của La Mã và các nước ở châu Âu cũng đã sử dụng các bảng phân loại riêng nhưng đáng tiếc là các bảng đó không còn được lưu giữ vì thế khó có thể đánh giá hết được về ưu nhược điểm của các bảng này. Theo lập luận của các nhà nghiên cứu thì trong nhiều thế kỷ cách phân loại tài liệu của các thư viện thuộc các nước phương Tây chịu ảnh hưởng mạnh mẽ theo cách phân loại khoa học và tri thức của các nhà triết học, các nhà khoa học lớn như : Đê-môcrit, Platon và Aristốt.

Bên cạnh việc việc phân loại tài liệu trong thư viện, việc phân loại sách để biên soạn các bản thư mục cũng đáng được quan tâm. Ở Trung Quốc, trong *Hán thư - Nghệ văn*



chí Ban Cố (Thế kỷ I) đã phân chia tài liệu thành sáu nhóm:

1. Lục nghệ
2. Chư tử (Triết học)
3. Thi phú (Thơ văn)
4. Binh thư (Quân sự)
5. Số thuật (Toán, ảo thuật)
6. Phương kỹ (Thủ công nghiệp)

Vào thế kỷ IV sau Công nguyên, thời Tấn Vũ Đế, Lý Sung đã đề xuất ra cách phân chia tài liệu thành 4 nhóm : Kinh - Sử - Tử - Tập. Trong đó: Kinh là các sách kinh điển, Sử là các sách về lịch sử, Tử là các sách về triết học và Tập là các sách về văn học, nghệ thuật.

Trong nhiều thế kỷ tiếp theo ở Trung Quốc thịnh hành kiểu phân chia: Kinh - Sử - Tử - Tập hoặc Giáp - Ất - Bính - Đinh. Nhìn chung cách phân loại của Trung Quốc còn đơn giản, nhưng cách phân loại này đã tồn tại trong một thời gian dài và có ảnh hưởng không nhỏ đến cách phân loại tài liệu của một số nước Châu Á trong đó có Việt Nam.

Nhìn chung công tác phân loại tài liệu dưới thời kỳ cổ đại đã có những bước phát triển sơ khai và ít nhiều được quan tâm. Trong các thư viện đã xuất hiện các cách phân loại tài liệu khác nhau. Ở phương Tây các quan điểm phân

loại khoa học đã có những tác động nhất định đến viên phân loại tài liệu trong các thư viện nhưng đáng tiếc là các bảng phân loại của thời kỳ này không được lưu giữ lại vì vậy khó có thể đưa ra những ý kiến nhận định xác đáng. Ở phương Đông cách phân loại của Trung Quốc còn quá giản lược. Có thể nói vào thời kỳ cổ đại trên thế giới chưa hình thành một bảng phân loại nào được sử dụng có tính chất đại chúng.

## 1.2 Thời trung cổ và cận đại

Trong thời kỳ trung cổ, ở các nước phương Tây giáo hội giữ địa vị thống trị. Do đó thần học, lôgic học và ngữ pháp giữ một vị trí cơ bản trong phân loại tri thức còn khoa học tự nhiên chỉ giữ vai trò phụ. Quan điểm về phân loại khoa học này đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc phân loại tài liệu trong các thư viện đặc biệt là các thư viện trong các tu viện và các trường đại học.

Tại các tu viện và nhà thờ kho sách chủ yếu là kinh thánh và các tài liệu thần bí. Các tài liệu này khi phân loại chịu ảnh hưởng của hệ thống “bảy nghệ thuật tự do” với 2 nhóm cơ bản:

Nhóm 1 bao gồm:

- Văn phạm học
- Phép biện chứng
- Tu từ học



Nhóm 2 bao gồm:

- Số học
- Hình học
- Âm nhạc
- Thiên văn học.

\* Vào thế kỷ XII ở Châu Âu bắt đầu xuất hiện một số trường Đại học Tổng hợp đầu tiên. Phần lớn các trường này có quan hệ mật thiết với nhà thờ và đều thành lập khoa Thần học trong trường.

Vào giữa thế kỷ XV Gutenberg đã phát minh ra nghề in, số lượng các xuất bản phẩm đã không ngừng được tăng lên. Trong các thư viện nhu cầu phải có mục lục phản ánh nội dung kho sách đã được đặt ra. Cuối thế kỷ XV, tại các trường Đại học Tổng hợp ở Châu Âu thịnh hành cách phân loại sách theo các môn học. Thời bấy giờ người ta thường phân chia kho sách thành bốn nhóm chính phù hợp với bốn khoa cơ bản có trong các trường Đại học Tổng hợp. Đó là: Triết học, Y học, Luật học và Thần học.

Thế kỷ XVI, Canrad Gessner (1516 - 1565), nhà bác học và thư mục học người Thụy Sĩ, đã biên soạn một bảng phân loại với 250 đề mục. Các đề mục này đã được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa hệ thống các khoa và các môn học được giảng dạy trong trường đại học. Theo bảng phân loại của Gessner, tri thức được chia thành 5 nhóm chính:

I. Chúa trời

II. Triết học (Toán, Y học, văn học và nghệ thuật)

III. Sử học (Lịch sử tự nhiên và lịch sử nghệ thuật)

IV. Luật học

V. Sách về tà thuyết.

Quá trình phát triển và phân hoá thêm của các ngành khoa học được phản ánh trong cách phân loại khoa học của nhà triết học Anh Phrăngxit Bêcon (1561-1626). Là một nhà triết học duy vật nhưng Phrăngxit Bêcon sử dụng phương pháp phân chia theo tiến triển. Tuy nhiên ông cũng không phải là nhà triết học duy vật triệt để. Bêcon cho rằng khoa học giống như nước từ trên trời rơi xuống hoặc vọt từ dưới lòng nước lên có hai nguồn: một là do thượng đế truyền cho, hai là từ các giác quan. Chủ nghĩa duy vật của ông đã gắn với thần học và tôn giáo do đó theo ông triết học chỉ liên quan đến những tri thức hình thành từ cảm giác. Hình ảnh thông qua giác quan mà đi vào ý thức của con người. Chúng được giữ lại trong ký ức, con người tái tạo chúng trong tưởng tượng, cải tạo chúng bằng lý trí của mình. Theo Bêcon, khoa học được chia thành ba nhóm: Trí nhớ, trí tưởng tượng và trí tuệ. Trí nhớ được thể hiện trong lịch sử, trí tưởng tượng được thể hiện trong thi ca và trí tuệ được thể hiện trong triết học. Đó là cách phân chia phù hợp với hoạt động tinh thần theo quan niệm của ông. Nhận thức của Bêcon về các ngành khoa học thực hành khác hẳn



Aristôt trước đây. Bên trong từng nhóm, ông phân chia khái niệm theo nội dung và đối tượng của từng ngành khoa học. Ông quan niệm giữa khoa học và đời sống có mối quan hệ mật thiết, khoa học thực hành ảnh hưởng đến sự phát triển của khoa học lý thuyết. Cách phân chia khoa học của Bêcon chủ yếu căn cứ vào những thuộc tính của ý thức, tâm lý chứ không phải theo sự khác nhau trong đối tượng của nhận thức. Điểm tiến bộ trong cách phân chia các ngành tri thức của Bêcon thể hiện ở chỗ ông đã chia lịch sử tự nhiên thành: lịch sử thiên thể, lịch sử trái đất, lịch sử động vật, lịch sử thực vật... Trong khoa học về con người ông đã chia khoa học về cá thể con người và khoa học về con người với tư cách một tồn tại liên quan với những tồn tại xã hội khác.

Quan điểm phân loại khoa học của Bêcon đã được Mác đánh giá cao mặc dầu cách phân loại này vẫn còn tồn tại các mâu thuẫn như vẫn coi thần học là một khoa học và cho rằng giữa thần học và khoa học có sự hoà hợp... Quan điểm phân loại khoa học của Bêcon đã được nhiều nhà khoa học sau này thừa nhận dưới dạng này và dạng khác. Đidrô đã biên soạn một bộ Bách khoa toàn thư trên cơ sở quan điểm phân loại của Bêcon. Trong lĩnh vực thư viện, quan điểm phân loại khoa học của Bêcon đã có một ảnh hưởng rất lớn đến việc biên soạn Bảng phân loại thập phân Dewey sau này.

Tại Đức vào thế kỷ XVII, XVIII Leibnitz (1646 - 1716)

đã xây dựng một bảng phân loại theo kiểu hệ thống các khoa với bốn nhóm: Kỹ nghệ, Luật học, Y học và Triết học. Dưới các đề mục này đều có sự phân chia chi tiết.

Tại Pháp thế kỷ XVIII, XIX người ta đã tổ chức một hệ thống phân loại có tên là "*Hệ thống Pháp*". Hệ thống này có khoảng 500 đề mục. Về cơ bản cách phân chia này cũng giống như "*Hệ thống các khoa*" của các trường Đại học Tổng hợp trước đây có bổ sung thêm một số vấn đề mới như lịch sử, văn học, nghệ thuật... "*Hệ thống Pháp*" đã được sử dụng rộng rãi trong các thư viện và các công trình thư mục ở Pháp và châu Âu trong suốt hai thế kỷ XVIII, XIX.

Cùng với "*Hệ thống Pháp*", hệ thống của Jacques Charles Brunet (1780 - 1786) đã được sử dụng khá rộng rãi ở châu Âu thế kỷ XIX. Theo quan niệm của Brunet, tri thức được chia thành năm nhóm:

- I. Chúa trời
- II. Luật học
- III. Khoa học và nghệ thuật
- IV. Văn học
- V. Sử học

Trong mục III, Khoa học bao gồm: Triết học, Chính trị học, Kinh tế chính trị học, Khoa học tự nhiên, Kinh tế nông nghiệp, Y học và Toán học. Nghệ thuật bao gồm:



Thủ công nghiệp và các ngành nghệ thuật khác trong đó có mục gọi là “*máy móc*”.

Hệ thống phân loại thư viện đã hoàn toàn tách rời, với quan điểm phân loại hiện hành và theo quan điểm phân loại của Brunet thì cách phân loại sách chỉ đơn thuần là sơ đồ thực hành không phụ thuộc vào sự phát triển của tri thức khoa học.

Mặc dù có một số hạn chế nhất định (đưa Thần học lên vị trí đầu tiên, tách luật pháp ra khỏi Khoa học xã hội, đưa lên vị trí thứ hai...) nhưng hệ thống phân loại của Brunet vẫn có ảnh hưởng rất mạnh ở Châu Âu, đặc biệt là ở các nước Anh, Pháp, Ý...

Ở Nga, trong một thời gian dài các thư viện sử dụng “*Hệ thống khoa học*” và “*Hệ thống Pháp*” trong các trường Đại học. Có một số soạn giả ở thế kỷ XVIII có khuynh hướng bao quát các mặt khoa học và thực tiễn trong soạn thảo các khung phân loại thư viện thư mục trên cơ sở kinh nghiệm của các nước Châu Âu khác. Khung phân loại của A.N.Ôlenhin, phó giám đốc thư viện công cộng Petecbua đã bỏ hẳn lối sắp xếp cổ truyền: các khoa học Y học, Vật lý học, Hoá học đã được tách ra khỏi Triết học. Sự từ bỏ “*Hệ thống Pháp*” đã thể hiện trong bảng phân loại của Viện sĩ Ber. Ông đã biên soạn một bảng phân loại riêng để phân loại, xử lý các tài liệu nước ngoài tại Thư viện Viện Hàn lâm khoa học Nga Petecbua. Bảng

phân loại này phản ánh quan điểm phân loại khoa học tiến bộ đương thời theo trình tự phát triển khoa học thế giới bao gồm những mắt xích logic về các khoa học như sau: Khoa học về giới tự nhiên vô cơ, Khoa học về giới tự nhiên hữu cơ và Khoa học về con người và xã hội.

Các lớp chính trong ***Bảng phân loại của Ber*** bao gồm:

I Thư mục và lịch sử văn học

II Khoa học tổng hợp và ấn loát (Bách khoa toàn thư của các tác giả La mã - Hy Lạp)

III Ngôn ngữ

IV Toán học

V-VII Khoa học tự nhiên (Vật lý, Địa chất, Khoáng vật, Sinh vật)

VIII Nhân chủng học hoặc học thuyết về thể xác và linh hồn

IX-XII Lịch sử và địa lý. Chính trị và pháp chế. Kinh tế và kỹ thuật

XIII-XIV Nghệ thuật

XV-XVI Thần học và triết học

XVII Y học

XIX Kiến trúc và xây dựng

XX- XXI Mục lục thư viện

Bảng phân loại này được xuất bản bằng hai thứ tiếng



Latinh và tiếng Nga và được đánh giá là một trong những bảng phân loại tốt nhất của Châu Âu vào thế kỷ XIX.

Ở Mỹ, khoảng đầu thế kỷ XIX các sách được xếp theo chủ đề kết hợp với khổ. Sau đó Jefferson đã đề xuất ra phương pháp phân loại chia thành 44 loại mục. Năm 1815 "*Mục lục thư viện của Mỹ*" đã được xuất bản, trong đó sách được sắp xếp theo thứ tự chữ cái của 44 nhóm. Cách phân loại này đã thịnh hành ở Mỹ gần suốt thế kỷ XIX. Vào nửa cuối thế kỷ XIX ở Mỹ xuất hiện xuất hiện bảng phân loại nổi tiếng là Bảng phân loại thập tiến của Dewey (DDC), bảng phân loại này có nhiều ưu điểm, đánh dấu một thời đại mới phát triển khoa học, phát triển xã hội. Bảng phân loại của Dewey đã được thư viện trường đại học Amherst công nhận năm 1873 và sau đó được xuất bản lần đầu năm 1876 với tên gọi "*Bảng phân loại và tra cứu chủ đề dùng cho biên mục và sắp xếp sách của thư viện*". Bảng này gồm 1000 đề mục và 1 bảng tra. Kể từ đó đến nay bảng phân loại này đã được hiệu đính và bổ sung xuất bản đến lần thứ 21. Bên cạnh bảng phân loại thập phân Dewey, các nhà thư viện học Mỹ còn biên soạn một số bảng phân loại khác như: Bảng phân loại triển khai của Cutter, bảng phân loại của Thư viện Quốc hội Mỹ (LCC)

Theo Charles Ammi Cutter (1837 - 1903) bảng phân loại của Dewey không thích hợp với mọi loại hình và kích cỡ của các thư viện. Theo ông các thư viện sẽ cần một hệ thống phân loại linh hoạt có thể chi tiết hoặc rút gọn tùy

theo độ lớn của vốn tài liệu. Ông đã giải quyết yêu cầu đó bằng cách biên soạn ra bảng phân loại với bảy cấp khác nhau. Trong đó cấp một dành cho các thư viện nhỏ và cấp bảy có thể dành cho thư viện có vốn sách khoảng 10 triệu bản. Ông hy vọng bảng phân loại này sẽ thích ứng với mọi kích cỡ thư viện dù lớn hay nhỏ. Bảng phân loại cấp một có 8 lớp chính, bảng cấp hai có 15 lớp chính và từ cấp thứ ba đến cấp sáu có 27 lớp chính sau:

- A Tổng loại
- B Triết học
- BR Tôn giáo
- C Cơ đốc giáo và Thiên chúa giáo
- D Lịch sử giáo hội
- E Tiểu sử
- F Lịch sử
- G Địa lý và du lịch
- H Khoa học xã hội
- I Xã hội học
- J Chính phủ, chính trị
- K Luật pháp, các bộ luật
- L Các khoa học nói chung, Vật lý học
- M Lịch sử tự nhiên
- N Thực vật học



O Động vật học

Q Y học

R Khoa học ứng dụng (Kỹ thuật)

S Công nghệ, xây dựng

T Chế tạo, Nghề thủ công

U Ngành phòng thủ và bảo vệ

V Ngành giải trí: Thể thao và hát

VV Âm nhạc

W Nghệ thuật

X Ngôn ngữ

Y Văn học

Z Khoa học về sách.

Để xây dựng hệ thống ký hiệu Cutter đã sử dụng các chữ cái in hoa cho các đề mục phân chia. Các cấp tiếp theo được chi tiết hoá bằng các chữ cái. Chẳng hạn như:

X Ngôn ngữ

XDG Ngữ pháp

XDI Danh từ

XDIW Tính từ

Khi xây dựng bảng phân loại của mình, Cutter đã đặc biệt chú trọng đến phương pháp phân loại tri thức. Có người ví trình tự sắp xếp các lớp phân chính của Bảng phân loại Cutter là trình tự "*Bêcon đảo ngược*". Bản thân Cutter

cũng ý thức được rằng bảng phân loại thư viện là để dành cho phân loại sách chứ không phải là bảng phân loại tri thức nhưng ông quan niệm rằng: "*Người soạn một khung để sắp xếp sách thì cũng rất có thể tạo ra một tác phẩm có giá trị vĩnh cửu nếu người đó lúc nào cũng nghĩ đến một bảng phân loại tri thức*". Bảng phân loại của Cutter sau này được sử dụng làm nền tảng cho bảng phân loại của Thư viện Quốc hội Mỹ.

Ở Anh, năm 1894 James Duff Brown (1862 - 1914) đã cùng cộng tác với John Herry Quinn cho xuất bản một bảng phân loại dùng cho việc sắp xếp các tài liệu có trong thư viện, mang tên là hệ thống Quinn - Brown. Chẳng bao lâu bảng này tỏ ra là không phù hợp với sự phát triển nhanh chóng của vốn tài liệu trong các thư viện thời bấy giờ và đến năm 1897 Brown đã xây dựng được một bảng phân loại hơi khác với bảng phân loại cũ và được mở rộng nhiều và được đổi tên là "*Bảng phân loại thích ứng*" (Adjusttable Classification). Bảng phân loại này sau này tỏ ra ít có giá trị, vì các chỗ dành cho chủ đề mới đơn thuần chỉ là những khoảng bỏ trống của một số những con số trong ký hiệu mà thôi.

Vào đầu thế kỷ XX, Bảng phân loại của Dewey đã nhanh chóng tranh thủ được cảm tình của nước Anh. Năm 1906, xuất phát từ những lời ca thán là bảng của Dewey đã dành quá nhiều sự chú ý cho những chủ đề và các vấn đề của Mỹ, Brown đã cho ra đời "*Bảng phân loại chủ đề*",



ông đã coi đó là một cải tiến đối với khung phân loại thập tiến trên cơ sở quan điểm của một nhà thư viện học Anh. Lần xuất bản thứ hai vào năm 1917 hầu như không có thay đổi nhiều và sau đó bảng lại được ấn hành một lần nữa vào năm 1926. Năm 1939 bảng được chỉnh biên và mở rộng bởi James D. Stewart. Dẫu rằng lần xuất bản này bao gồm nhiều điểm thêm vào và một vài thay đổi, nhưng bảng phân loại hiện tại vẫn còn giữ được những nét chủ yếu của bảng phân loại cũ.

Theo cách phân chia của Brown tri thức được phân chia thành 11 môn ngành chính sau:

A Tổng loại

B - C - D Khoa học vật lý

E - F Sinh vật học

G - H Y học và dân tộc học

I Sinh vật học kinh tế và nghệ thuật nội trợ

J - K Triết học và tôn giáo

L Xã hội học và chính trị học

M Ngôn ngữ và văn học

N Các thể loại văn học

O - W Lịch sử và địa lý

X Tiểu sử

Ký hiệu trong bảng phân loại Brown là ký hiệu hỗn hợp.

các lớp chính được thể hiện bằng các chữ cái và các cấp phân chia tiếp theo được thể hiện bằng chữ số Ả rập.

Ví dụ:

N Các thể loại văn học

N100 Thơ

N110 Các thể thơ...

Mặc dù được biên soạn khá công phu nhưng do vào thời điểm lúc bấy giờ đã có nhiều bảng phân loại thịnh hành nên bảng phân loại của Brown hầu như ít được sử dụng.

Ở Trung Quốc, từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX người ta vẫn tiếp tục duy trì cách phân chia tài liệu thành 4 nhóm: Kinh - Sử - Tử - Tập và 4 nhóm này lại được phân chia thành 44 lớp con. Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu đã nghiên cứu xây dựng một hệ thống phân loại thống nhất nhưng không được mọi người hưởng ứng.

Cuối thế kỷ XIX, Viện Thư mục Quốc tế được thành lập tại Bruxen (Bỉ) nhằm mục đích xây dựng các thư mục tổng hợp bằng cách thu thập các thư mục quốc gia. Các bảng phân loại đương thời tỏ ra không đáp ứng được yêu cầu phân loại các khối lượng các tài liệu khổng lồ trên toàn thế giới. Vì thế hai luật sư người Bỉ: Paul Otlet và Henry Lafontaine đã đề xuất việc mở rộng bảng phân loại thập tiến Dewey. Năm 1897, "*Bảng phân loại Bruxen mở rộng*" hay "*Bảng phân loại UDC*" rút gọn đã ra đời và từ đó UDC



đã trở thành một bảng phân loại được sử dụng khá rộng rãi trên toàn thế giới.

Những năm cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX sự ảnh hưởng của cuộc cách mạng tư sản Pháp và sự công bố học thuyết tiến hoá của Đacuyn (1809-1882) đã làm sụp đổ các quan niệm duy tâm thần thánh. Các lĩnh vực khoa học đã được phân loại và sắp xếp theo các nhóm như sau:

Các khoa học tự nhiên

Các khoa học xã hội

Các khoa học ứng dụng.

Từ thực tế đó một số nhà khoa học đã kiên quyết gạt bỏ Thần học ra khỏi vị trí đầu tiên của khung phân loại. Một số tác giả đã cố gắng xác định một trật tự các khoa học cho phù hợp với trình tự nhận thức của con người và xã hội. Một số khác thì cho rằng cần phải xếp các khái niệm theo trình tự xuất hiện của các ngành khoa học... Tuy nhiên, giáo hội và nhà thờ vẫn giữ một vị trí quan trọng sau Cách mạng tư sản Pháp.

Cùng với sự phát triển của nhân loại các nhà khoa học đã không ngừng hoàn thiện các quan điểm về phân loại khoa học trên cơ sở kế thừa và dựa vào sự phát triển của các ngành khoa học.

Về sau này Ăngghen(1820-1895) đã thể hiện rõ quan điểm phân loại khoa học của mình trong hai tác phẩm “*Biện chứng của tự nhiên*” và “*Chống Duy linh*”. Theo

quan điểm duy vật biện chứng của Ăngghen thì thế giới khách quan phát triển từ giới tự nhiên vô cơ đến hữu cơ, đến xã hội loài người và tư duy của con người. Trên cơ sở đó ông đã phân khoa học thành ba nhóm:

Khoa học tự nhiên: nghiên cứu giới tự nhiên

Khoa học xã hội: Nghiên cứu xã hội loài người

Khoa học tư duy: Nghiên cứu tư duy của con người.

Quan điểm phân loại khoa học của Ăngghen đã có một ảnh hưởng lớn đến việc biên soạn Bảng phân loại thư viện thư mục BBK ở Liên xô sau này.

### 4.3. Thời kỳ hiện đại

Mặc dầu vào cuối thế kỷ XIX trên thế giới đã có nhiều bảng phân loại nhưng các nhà thư viện học vẫn tiếp tục biên soạn thêm một số bảng phân loại mới.

Vào thập kỷ 30 của thế kỷ XX, có hai bảng phân loại mới đã được biên soạn và xuất bản. Đó là “*Bảng phân loại Hai chấm*” (Colon Classification) do Shiyali Ramanrita Ranganathan (1892-1972)- nhà toán học, nhà thư viện học người Ấn Độ biên soạn năm 1933 và *Bảng phân loại thư mục* (Bibliographic Classification) do nhà thư viện học người Mỹ Henry Evelyn Bliss(1870-1955) biên soạn năm 1935.

Bảng phân loại Hai chấm hay còn gọi phân loại theo diện là bảng dùng dấu hai chấm để thể hiện mối liên quan



giữa các ký hiệu. Bảng phân loại này tuy ít tính thực hành song về mặt lý luận và phương pháp luận đã được đánh giá cao, là một đóng góp lớn cho lịch sử phân loại. Bảng phân loại này chỉ được sử dụng tại một số các thư viện ở Ấn Độ.

Bảng phân loại thư mục (Bibliographic Classification) đã được xuất bản lần đầu với tên gọi: "*Hệ thống phân loại thư mục*". Bliss là một cán bộ thư viện của Trường đại học New York, ông đã cống hiến cả đời mình vào việc nghiên cứu về phân loại và biên mục. Bảng phân loại của ông đã được sử dụng tại thư viện trường này từ 1902 nhưng hơn ba chục năm sau ông mới cho xuất bản. Bảng phân loại thư mục của Bliss gồm 26 lớp chính (A/Z), hoàn toàn dùng ký hiệu chữ cái:

- A Triết học
- B Vật lý học
- C Hoá học
- D Thiên văn học
- E Sinh vật học
- F Thực vật học
- G Động vật học
- H Con người, Nhân chủng học
- I Tâm lý học
- J Giáo dục
- K Khoa học xã hội

- L Lịch sử
  - M Châu Âu
  - N Châu Mỹ
  - OA Châu Úc
  - OH Châu Á
  - OS Châu Phi
  - P Tôn giáo
  - Q Phúc lợi xã hội và quản lý
  - R Khoa học chính trị
  - S Luật
  - T Kinh tế
  - U Kỹ thuật và khoa học ứng dụng
  - V Nghệ thuật
  - W Ngôn ngữ và văn học
  - Z Tôn giáo, Điều huyền bí, Đạo đức
- Hệ thống bảng phụ dùng ký hiệu bằng chữ số từ 1 đến 9.

Bảng phân loại này tuy có những ưu điểm nhất định song nó ra đời trong hoàn cảnh hầu hết các thư viện Mỹ đang sử dụng bảng phân loại thập phân Dewey, hoặc bảng phân loại Thư viện Quốc hội Mỹ nên hầu như hệ thống phân loại này không được phát triển ở Mỹ. Tuy nhiên ở nước Anh có một số thư viện đã quan tâm sử dụng bảng



BC. Năm 1967 Hội thư viện các trường học của Anh đã xuất bản Bảng phân loại Bliss rút gọn. Bảng phân loại BC được xuất bản lần thứ 2 với tên gọi “*Bảng phân loại thư mục Bliss*”. Năm 1977, Bảng bắt đầu được chia thành các tập riêng song nhìn chung bảng phân loại này ít được các thư viện hưởng ứng và sử dụng.

Ở Trung Quốc sau 1949, các thư viện sử dụng bảng Trung tiểu hình và Đại hình và một số bảng phân loại có gốc từ bảng phân loại DDC có mở rộng thêm các đề mục mới. Hiện nay Trung Quốc sử dụng bảng phân loại có tên là *Trung Quốc đồ thư quán đồ thư phân loại pháp* (tạm dịch là cách phân loại trong các thư viện Trung Quốc) gọi tắt là *Trung đồ pháp*.

Ở Nhật Bản, Thư viện Quốc gia Nhật Bản lúc đầu sử dụng Bảng phân loại thập tiến của Nhật (Nippon Decimal Classification) để phân loại sách Nhật và sách tiếng Trung Quốc và bảng phân loại thập phân Dewey để phân loại các sách của các nước Châu Âu. Nhưng dần dần thư viện đã xây dựng bảng phân loại mới riêng cho mình, dùng để phân loại cả sách Nhật và sách nước ngoài. Bảng phân loại này có các đề mục chính sau:

A Chính trị, Luật pháp và hành chính

B Các xuất bản phẩm của Quốc hội

C Các tài liệu luật pháp

D Kinh tế và công nghiệp

E Bảo hiểm xã hội và lao động

F Giáo dục

G Lịch sử và địa lý

H Triết học và tôn giáo

K Nghệ thuật, ngôn ngữ và văn học

M-S Khoa học và công nghệ

U Thư viện và thư mục

W Các tài liệu cổ và hiếm

Y Các tài liệu đặc biệt

Z Các ấn phẩm tiếp tục

Ở Liên xô, sau Cách mạng tháng Mười có bảng phân loại Lev Tropopxki (1885 - 1944) và sau này được Ambasumian bổ sung thêm được song song sử dụng với bảng phân loại UDC.

Những thay đổi và mở rộng bảng phân loại UDC ở các nước xã hội chủ nghĩa thể hiện tổng quát ở những điểm sau:

- Chủ nghĩa Mác Lênin được tách ra khỏi các khoa học xã hội thành một lớp độc lập. Tập trung các công trình của các nhà sáng lập ra chủ nghĩa Mác Lênin.

- Lập các đề mục chi tiết về các Đảng phái chính trị, và đặc biệt là về Đảng cộng sản, Tổ chức công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản và Đội thiếu niên tiên phong.

- Tách riêng triết học Mác Lênin



- Thay đổi một số trợ ký hiệu địa lý cho phù hợp với thế giới hiện tại và dùng ký hiệu chữ cái thay Ả Rập đối với các nước có lãnh thổ nằm ở hai châu lục.

- Thêm ký hiệu chữ cái ghép với ký hiệu số để mở rộng các ngành khoa học kỹ thuật.

Ở các nước khác không phải nước xã hội chủ nghĩa khi áp dụng bảng phân loại Dewey cũng đã có những bổ sung và thay đổi nhất định.

Năm 1960 ở Liên Xô một bảng phân loại mới mang tên BBK do tập thể cán bộ các thư viện lớn của Liên Xô đã được biên soạn với sự tham gia của nhiều nhà khoa học thuộc các ngành khác nhau. Bảng phân loại thư viện thư mục BBK đã được giải thưởng Quốc gia Liên Xô và được áp dụng chủ yếu ở Liên Xô và một số nước xã hội chủ nghĩa khác trước đây.

\* Ngoài việc biên soạn các bảng phân loại cho sách báo và các loại hình tài liệu thông thường, người ta còn biên soạn các bảng phân loại để xử lý các dạng tài liệu đặc biệt như: tài liệu sáng chế, các tiêu chuẩn kỹ thuật, các tài liệu địa chí, bản đồ, âm nhạc, phân loại trong tìm kiếm trực tuyến...

Để phân loại các tài liệu sáng chế, người ta đã biên soạn ra một bảng phân loại riêng. Bảng phân loại sáng chế đầu tiên được biên soạn tại Mỹ năm 1831 và ở Đức năm 1877, ở Anh năm 1880. Qua quá trình sử dụng, các bảng này đều

bộc lộ những hạn chế về mặt này hay mặt khác. Chính vì thế, năm 1954 Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (World Intellectual Property Organization - WIPO) đã đứng ra bảo trợ cho việc xây dựng một hệ thống phân loại sáng chế quốc tế.

Năm 1972, thoả ước với Strasbourg về phân loại sáng chế quốc tế đã quyết định thành lập một hệ thống phân loại patent thống nhất. Trong đó việc phân loại patent, phân loại sáng chế, các đơn xin cấp patent, giấy chứng nhận về tính hữu ích được công bố.

Bảng phân loại sáng chế quốc tế (International Patent Classification viết tắt là IPC) theo định kỳ năm năm lại được bổ sung, sửa đổi và tái bản một lần.

Để phân loại các tài liệu là bản đồ, Bog và Lewis đã biên soạn bảng phân loại bản đồ. Các tài liệu âm nhạc cũng được xử lý theo một bảng phân loại riêng.

— Từ thực tế trên cho thấy hiện nay trên thế giới công tác phân loại luôn được các thư viện và cơ quan thông tin trên thế giới hết sức quan tâm. Phân loại được coi là một trong những phương tiện quan trọng để kiểm soát thư mục và trao đổi thông tin. Ở các nước ngoài phân loại được áp dụng sâu rộng trong việc tổ chức kho mở và tra cứu thông tin. Trên thế giới hiện nay đang áp dụng ba khuynh hướng phân loại: khuynh hướng phân loại thập tiến, khuynh hướng phân loại phi thập tiến và phân loại theo diện. Trong



đó khuynh hướng phân loại thập tiến chiếm ưu thế nhất. Nguyên lý phân loại theo diện được đánh giá cao song do phân loại theo bảng phân loại của Ranganathan khá phức tạp nên hệ thống phân loại này không được áp dụng rộng rãi như hai khuynh hướng phân loại kể trên.

Để đảm bảo chất lượng cho công tác phân loại tài liệu các thư viện trên thế giới đã rất quan tâm đến việc chỉnh lý, bổ sung cho các bảng phân loại. Các bảng phân loại loại lớn như: DDC, UDC, BBK... thường xuyên được cập nhật và tái bản. Chính sự cập nhật này đã mang lại ưu thế cho các bảng phân loại đó. Bên cạnh đó một số bảng phân loại lớn của nước ngoài còn xây dựng được các bảng hướng dẫn rất cụ thể trong việc sử dụng bảng phân loại đó. Không có một bảng phân loại nào không xây dựng được đầy đủ bảng tra cứu chủ đề. Vì thế tính thống nhất và các nguyên tắc phân loại luôn được đảm bảo.

Trong các bảng phân loại hiện hành, bảng phân loại thập phân Dewey là bảng hiện đang được sử dụng rộng rãi nhất và bảng này đã được IFLA chọn là bảng phân loại chuẩn dùng cho các thư viện. Việc nghiên cứu lý luận về phân loại được các nước hết sức quan tâm. Trong một thời gian dài lý thuyết về phân loại được coi là bộ phận trọng yếu của thư viện học. Tại các cơ sở đào tạo nghề thư viện ở các nước phương Tây, ở mọi cấp học từ dạy nghề đến cao học, phân loại đều được coi là những môn học quan trọng.

## 2. CÔNG TÁC PHÂN LOẠI TÀI LIỆU Ở VIỆT NAM

Theo các sách sử ghi chép, thư viện Việt Nam xuất hiện từ thế kỷ XI. Các thư viện Việt Nam thời kỳ phong kiến chủ yếu thực hiện chức năng tàng trữ. Việc phân loại sách trong các thư viện Việt Nam như thế nào dưới thời phong kiến thì cho đến nay vẫn chưa tìm thấy tài liệu nào đề cập đến một cách cụ thể.

Về lịch sử công tác phân loại tài liệu ở Việt Nam trước thế kỷ XX, có ba nhân vật với ba cách phân chia đáng chú ý.

Dưới thời phong kiến, Lê Quý Đôn (1726-1784) và Phan Huy Chú (1782-1840) là những người có nhiều đóng góp cho sự nghiệp khoa học, văn hoá của nước nhà cũng đã đưa ra những cách phân chia tài liệu khi biên soạn các bản thư mục của mình.

Trong “*Nghệ Văn chí*” Lê Quý Đôn đã phân chia tài liệu thành 4 loại:

- Hiến chương (luật lệ, công văn của nhà nước)
- Thi văn (văn thơ)
- Tạp ký (tạp văn, ký sự, địa phương chí, truyện ký)
- Phương kỹ (phép phong thủy, phù thủy)

Cách phân chia này phần nào phỏng theo cách phân chia của Ngụy Trưng, A Lỗ Đô và Thác Khắc Thác thời Hán, Đường, Tống. Nhưng Lê Quý Đôn cũng không hoàn toàn bắt chước rập khuôn theo người Trung Quốc.



xuống). Nhưng việc áp dụng phân loại cũng không hoàn toàn thống nhất trong các thư viện. Có thư viện (chẳng hạn như Viện thông tin khoa học xã hội) đã định tới bốn ký hiệu phân loại cho một tài liệu trong khi nhiều thư viện chỉ lấy tối đa là hai ký hiệu. Qua trao đổi phân tích các ý kiến khác nhau của các cán bộ lãnh đạo cũng như các chuyên gia phân loại của Việt Nam, có thể khẳng định một thời gian dài nữa các thư viện vẫn tiếp tục sử dụng các bảng phân loại hiện có như bảng phân loại 19 lớp, bảng BBK... mà không có sự nhất loạt chuyển sang một bảng phân loại mới vì sự thay đổi việc sử dụng bảng phân loại sẽ kéo theo một hệ quả tất yếu là phải xử lý hồi cố một số lượng tài liệu rất lớn. Công việc này sẽ đòi hỏi sự chi phí rất lớn về thời gian, tiền bạc và công sức. Mặt khác sự thay đổi này cũng tác động không nhỏ tới người đọc, người dùng tin, những người vốn đã quen sử dụng một hệ thống phân loại nào đó của các thư viện hoặc các cơ quan thông tin. Từ năm 1954 đến nay, công tác phân loại tài liệu đã được các thư viện và cơ quan thông tin thực sự quan tâm. Nhờ có việc sử dụng các bảng phân loại khác nhau các thư viện ở Việt Nam đã hình thành nên một hệ thống các phương tiện tra cứu theo môn ngành tri thức. Lý luận về phân loại cũng đã được nghiên cứu rộng rãi hơn. Ở tất cả các cơ sở đào tạo nghề thư viện ở Việt Nam, phân loại tài liệu được coi là một môn học quan trọng không thể thiếu trong chương trình trung cấp và đại học cũng như dạy nghề hiện nay.

### CHƯƠNG 3

## MỘT SỐ BẢNG PHÂN LOẠI TIÊU BIỂU CỦA THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

**1. BẢNG PHÂN LOẠI THẬP PHÂN DEWEY** (Dewey Decimal Classification. Viết tắt là DDC)

### 1.1. Lịch sử

Hệ thống Phân loại Thập phân Dewey (Dewey Decimal Classification System viết tắt là DDC) là một công cụ dùng để sắp xếp hệ thống hoá các tri thức của con người. Đây là bảng phân loại được sử dụng rộng rãi nhất ở nước Mỹ và các nước trên thế giới. Bảng được liên tục chỉnh lý để theo kịp với sự phát triển của khoa học và đời sống. Tác giả của bảng phân loại này là một nhà thư viện học người Mỹ nổi tiếng có tên là Melvil Dewey sinh ngày 10 tháng 12 năm 1851. Tên đầy đủ của ông là Melvil Louis Kossuth Dewey. Ông đã có ý tưởng biên soạn ra một khung phân loại mới ngay từ khi còn là một sinh viên làm việc bán thời gian tại thư viện trường đại học Amherst. Trong cuốn "*Hướng dẫn thực hành Bảng phân loại thập phân Dewey*" (Dewey Decimal Classification A practical Guide), người ta đã kể lại rằng Dewey đã từng tâm sự: "*Khi đi tham quan hơn 50*



thư viện, tôi đã sống sót khi nhận ra sự thiếu hiệu quả cũng như sự lãng phí thời gian và tiền của khi người ta cứ tiến hành lặp đi lặp lại việc phân loại và biên mục. Hầu hết các thư viện này đều sử dụng hệ thống cố định – một hệ thống mà các cuốn sách được đánh số theo phòng, theo tầng và theo vị trí cụ thể ở trên giá nơi mà cuốn sách tình cờ được xếp vào đó thay vì được phân loại vào mục mà cuốn sách vốn thuộc về. Việc phân loại ấy sẽ luôn luôn đúng trong ngày hôm qua, ngày hôm nay và vĩnh viễn. Thêm vào đó là sự phung phí thời gian khi mà mỗi cuốn sách lại được việc phân loại, biên mục lặp đi lặp lại trong hàng ngàn thư viện thay vì cuốn sách đó sẽ được xử lý một lần cho tất cả các thư viện tại một địa điểm tập trung nào đó. Ngày này qua ngày khác ông đã suy nghĩ đến điều này và cuối cùng ông đã nảy sinh ra ý tưởng biên soạn ra một bảng phân loại mới. Ông đã bắt tay vào việc biên soạn bảng phân loại vào năm 1873. Dewey đã quyết định sử dụng số thập phân để biểu thị cho chủ đề của cuốn sách thay vì sử dụng các số nguyên bình thường. Phát minh của Dewey về vị trí tương đối đã giúp ông thể hiện được nội dung của cuốn sách theo nội dung môn ngành tri thức, không phải đánh lại số thứ tự cho sách. Đây là một phát kiến rất quan trọng giúp cho các thư viện có thể sử dụng được ký hiệu của cuốn sách trong một thời gian lâu dài thay vì cứ phải liên tục thay đổi theo vị trí vật lý của chúng trong khi vốn sách trong thư viện không ngừng thay đổi.

Năm 1874 Dewey trở thành cán bộ thư viện của trường đại học Amherst. Ông đã phát triển bản dự thảo thứ nhất về hệ thống sắp xếp sách của mình trong thời gian này. Và ông đã nhanh chóng trở thành một nhà lãnh đạo có tên tuổi trong giới thư viện Mỹ, ông là người đã hỗ trợ cho việc thành lập Hội thư viện Mỹ và mở trường đào tạo cán bộ thư viện đầu tiên tại Trường đại học tổng hợp Columbia ở Mỹ. Bảng phân loại được xuất bản đầu tiên vào năm 1876 trên tờ “Tap chí thư viện” với tên gọi “Bảng phân loại và đánh chỉ số theo chủ đề dùng cho biên mục và sắp xếp sách của thư viện”. Bảng phân loại bao gồm 1000 đề mục với ký hiệu chữ số từ 000 đến 999. Năm 1885, bảng được xuất bản lần thứ hai và đổi tên là “Bảng phân loại thập phân Dewey”.

Quá trình xuất bản bảng DDC có thể được chia thành hai thời kỳ: từ 1876 đến 1931 và từ 1932 đến nay. Trong giai đoạn đầu, bảng đã được xuất bản 12 lần và mỗi lần tái bản đều có sự tham gia của Dewey. Khi còn sống Dewey không muốn thay đổi quá nhiều. Năm 1924, Dewey đã giao cho Câu lạc bộ Lake Placid, một tổ chức phi lợi nhuận đảm nhiệm việc khai thác DDC. Năm 1932, bảng được xuất bản là thứ 13 với 1.647 trang và từ đó đến nay bảng đã được bổ sung sửa đổi đáng kể và nhiều lần được tái bản. Năm 1937, một Ủy ban về chính sách xuất bản DDC đã được thành lập, chịu trách nhiệm về xuất bản DDC. Phòng phân loại thập phân của Thư viện Quốc hội Mỹ đã hợp tác



với Ủy ban này. Năm 1942 bảng được xuất bản lần thứ 14 với 2.439 trang in thành 2 tập. Năm 1951 bảng được xuất bản lần thứ 15. Năm 1958 bảng được xuất bản lần thứ 16, năm 1965 bảng được xuất bản lần thứ 17, năm 1974 bảng được in lần thứ 18, năm 1979 bảng được tái bản lần thứ 19... Năm 1989 bảng được xuất bản lần thứ 20. Bảng Phân loại thập phân Dewey đã được nhà xuất bản Forest Press xuất bản. Vào năm 1988 nhà xuất bản này trở thành một đơn vị của hệ thống Trung tâm thư viện máy tính trực tuyến (Online Computer Library Center).

Năm 1996 bảng được xuất bản lần 21 với trên 4000 trang bao gồm 4 tập:

*Tập 1: Giới thiệu về bảng, từ điển thuật ngữ và các bảng trợ ký hiệu từ bảng 1 đến bảng 7.*

*Tập 2: Bao gồm khung phân loại với các đề mục 000 đến 599.*

*Tập 3: Gồm các đề mục từ 600 đến 999.*

*Tập 4: Bảng tra liên quan và sách hướng dẫn.*

Trong các lần xuất bản mới, một số ký hiệu đã được bỏ trống và nội dung của nó đã được chuyển sang các đề mục chung đồng thời nhiều ký hiệu phản ánh những vấn đề và ngành khoa học mới đã được bổ sung vào. Chỉ tính riêng trong lần xuất bản thứ 19, 2500 đề mục đã được bổ sung. Lần xuất bản thứ 18, môn Toán học(510) đã được hiện đại hoá và có những thay đổi cơ bản, bộ môn Tin học đã được

cập nhật. Trong lần xuất bản thứ 19 cũng đã có sự thay đổi lớn trong việc mở rộng đề mục Xã hội học(301-309) và một phần đề mục Chính trị.

Lần xuất bản 20 đã có những sự thay đổi hoàn toàn đề mục Âm nhạc(780) để xử lý các tài liệu nghe và tài liệu in trên giấy. Bộ môn tin học đã được mở rộng đáng kể. Trong lần xuất bản thứ 21, nhiều mục đã được chỉnh lý, bổ sung. Trong lớp Tôn giáo (200) các ký hiệu 201-209 tương ứng với các vấn đề chung của Thiên chúa giáo đã được xoá bỏ để đảm bảo sự cân đối so với các tôn giáo khác. Trong khi đó các ký hiệu tương ứng với Đạo Do thái và Đạo Hồi được mở rộng. Mục Quản lý hành chính (350) được chỉnh lý lại hoàn toàn. Một số ký hiệu quá dài trong các lần xuất bản trước đã được rút ngắn. Mục Giáo dục và giảng dạy (370), Mục Khoa học về sự sống (560-590) cũng có sửa đổi chỉnh lý...Nhiều khái niệm mới được cập nhật, những biến động về tình hình chính trị ở Liên xô và các nước Trung Âu đã được phản ánh. Một số trợ ký hiệu địa lý đã có sự thay đổi.

Nhìn chung những người chịu trách nhiệm về DDC đã có nhiều cố gắng trong việc cập nhật bảng phân loại cho phù hợp với sự phát triển của thực tế và xoá bỏ dần những đặc trưng thiên lệch về nước Mỹ.

Bảng Phân loại Thập Phân Dewey là một hệ thống phân loại thư viện được sử dụng rộng rãi nhất thế giới. Nó được sử dụng trong hơn 135 đất nước và được dịch sang hơn 30



ngôn ngữ. Những bản dịch gần đây đang trong quá trình được hoàn thiện là các bản tiếng Ả Rập, Trung Quốc, Pháp, Hy Lạp, Hêbrơ, Italia, Iran, Nga, Tây Ban Nha và Thổ Nhĩ Kỳ. Tại Mỹ, có 95% các thư viện công cộng và thư viện trường học, 25% các thư viện trường đại học và trường tổng hợp, 20% các thư viện chuyên ngành sử dụng bảng DDC. Hiện nay có khoảng 200.000 thư viện trên thế giới sử dụng DDC. Không chỉ đơn thuần được sử dụng trong việc phân loại sách, bảng Dewey còn được sử dụng với các mục đích khác, như là phương tiện để kiểm soát các nguồn thông tin trên WWW (mạng toàn cầu).

Các ký hiệu phân loại của DDC đã được sử dụng hợp nhất thành các biểu ghi thư mục đọc được trên máy (MARC) tại Thư viện Quốc hội Mỹ (LC) và được truyền tới các thư viện khác qua mạng máy tính bằng mục lục in và bằng phiếu mục lục của LC. Các ký hiệu phân loại của DDC đã xuất hiện trong các biểu ghi MARC được thực hiện bởi các nước trên khắp thế giới và được sử dụng trong các thư mục quốc gia của 51 nước trên thế giới, tiêu biểu như: Ôxtrâyliia, Botswana, Brazil, Canada, Ailen, Ấn Độ, Indônêxia, Italia, Namibia, Niuzilon, Na uy, Pakistăng, Papua New Guinea, Philipin, Nam Phi, Thổ Nhĩ Kỳ, Vương quốc Anh, Vê-nêzuêla, Dimbabuê và các nước khác. Riêng trong khu vực các nước Đông Nam Á, nhiều nước đã sử dụng DDC trong việc biên soạn thư mục quốc gia

như: Thái lan, Singapo, Lào, Malaixia, Philippin, Indônêxia.

Văn phòng biên tập bảng Dewey được đặt tại Phòng Phân loại thập phân của Thư viện Quốc hội Mỹ, tại đó hàng năm các chuyên gia phân loại đã ấn định trên 110.000 ký hiệu phân loại cho các tài liệu được thư viện này biên mục. Nhờ có Văn phòng biên tập đặt trong Phòng Phân loại Thập phân, những người biên tập có thể tìm ra xu hướng trong các tài liệu được xuất bản để cần thiết kết hợp thành bảng phân loại này. Các nhà biên tập sẽ chuẩn bị kế hoạch đề nghị này đến Hội đồng Chính sách Biên tập Bảng phân loại Thập phân (EPC) để được xét duyệt và cho phép thực hành.

EPC là một hội đồng gồm 10 hội viên quốc tế mà chức năng của họ là hướng dẫn các nhà biên tập và OCLC Forest về các vấn đề liên quan đến sự thay đổi, đổi mới và phát triển chung của Bảng phân loại. Hội đồng gồm có đại diện chính thức của OCLC Forest, ALA (Hiệp hội thư viện Mỹ), LC (Thư viện quốc hội Mỹ) và Hiệp hội thư viện Anh.

EPC đại diện cho quyền lợi của những người sử dụng DDC, các hội viên từ các thư viện công cộng, thư viện chuyên ngành, thư viện trường đại học và các trường dạy nghề thư viện.



## Các xuất bản phẩm

Bảng phân loại Dewey được xuất bản thành hai dạng: Bảng đầy đủ và bảng rút gọn. Bảng rút gọn dành cho các thư viện có vốn tài liệu khoảng 20.000 bản. Bảng rút gọn (Abridged Dewey Decimal Classification) có dung lượng bằng khoảng hai phần năm bảng đầy đủ được xuất bản lần đầu vào năm 1894. Đến nay bảng rút gọn đã được xuất bản đến lần thứ 13.

Bảng đầy đủ được cập nhật giữa hai lần xuất bản thông qua các phần bổ sung, sửa đổi được xuất bản trong cuốn "*Các phần bổ sung, các ghi chú và các quyết định của bảng Phân loại Dewey*".

Ngoài ra bảng đầy đủ còn được xuất bản dưới dạng điện tử. Tháng giêng năm 1993 Version DOS của lần xuất bản thứ 20 đã được xuất bản dưới hình thức đĩa CD gọi là Bảng Dewey điện tử (Electronic Dewey). Tháng 8 năm 1996, "*Dewey for Window*" đã được xuất bản cùng với bảng Dewey lần thứ 21. Bảng này bao gồm tất cả các mục đặc trưng của Dewey điện tử nhưng đã được nâng cao cho phù hợp với môi trường Window.

### 1.2 Cấu trúc bảng phân loại:

Bảng DDC bao gồm bảng chính, 7 bảng trợ ký hiệu và bảng tra cứu chủ đề.

#### Bảng chính:

Bảng phân loại DDC gồm 10 lớp chính (000-900). Bảng

phân loại DDC có khuynh hướng phản ánh hiện trạng của thế giới phương Tây và đáp ứng yêu cầu tổ chức thư viện và công tác tư liệu chủ yếu ở các nước Châu Âu và Mỹ.

Cơ sở khoa học của bảng phân loại DDC so với các hệ thống trước đây không có gì mới hơn. Dewey đã đưa ra một trật tự logic chặt chẽ cho việc sắp xếp các lớp trong bảng phân loại, kế thừa những bảng phân loại của thế kỷ trước phù hợp với quan điểm của ông. Ông cho rằng mọi hệ thống phân loại chỉ là qui ước, do đó ông không tìm tòi giải quyết gì mới.

Khi phân tích sự sắp xếp trong các bảng phân loại thập tiến của ông người ta thấy nó liên quan chặt chẽ tới quan điểm phân loại khoa học của nhà triết học Anh Bêcon. Trừ lớp đầu tiên là những vấn đề tổng hợp còn các lớp tiếp theo phù hợp với 3 nhóm trong phân loại khoa học của Bêcon là: "*Trí tuệ*" tương ứng với triết học và Khoa học, "*Trí tưởng tượng*" tương ứng với Nghệ thuật và Văn học, "*Trí nhớ*" tương ứng với Lịch sử.

Trên thực tế trước khi bảng Dewey ra đời đã có nhiều bảng phân loại đã ra đời và được ứng dụng khá phổ biến ở một số nước Châu Âu và cũng vì thế mà bảng phân loại của Dewey cũng có sự tiếp nhận và phát triển các ưu điểm của các bảng trước. Vì vậy mà cũng không có gì ngạc nhiên khi có nhiều ý kiến cho rằng: Những nét chính trong khung phân loại của Dewey được dựa trên cuốn "*Nua sistem di catalogic bibliografico generalo*" (hệ thống mới



về thư mục đại cương). Natale battesffati được các nhà xuất bản Ý thừa nhận năm 1871, đồng thời chịu ảnh hưởng của các khung phân loại của Joseph Swatf và W.T Harris. Người ta cho rằng trình tự của môn loại chính trong khung phân loại của Dewey mang những điểm giống nhau rõ nét với các trình tự trong bảng của Haris.

Bảng phân loại DDC là một bảng phân loại theo đẳng cấp có 10 môn loại chính (hoặc còn gọi là lớp cơ bản) có ký hiệu bằng số Ả rập với ba con số và có hai số 0 ở cuối thể hiện như sau:

- 000 Tổng hợp
- 100 Triết học và các khoa học có liên quan
- 200 Tôn giáo
- 300 Các khoa học xã hội
- 400 Ngôn ngữ học
- 500 Các khoa học chính xác
- 600 Các khoa học ứng dụng
- 700 Nghệ thuật
- 800 Văn học
- 900 Địa lý. Lịch sử và các khoa học phụ trợ

Các lớp lại lần lượt được chia nhỏ ra tối đa 10 lớp con, đến lượt mình mỗi lớp con lại chia ra 10 lớp nhỏ tiếp theo ở các bậc chi tiết hơn.

Các lớp ở bậc phân chia thứ hai:

- 000 Tổng hợp
- 010 Thư mục
- 020 Thư viện và khoa học thông tin
- 030 Bách khoa toàn thư
- 040 (bỏ trống)
- 050 Những ấn phẩm tổng quát phát hành định kỳ
- 060 Các cơ quan, tổ chức và khoa học bảo tàng
- 070 Thông tin đại chúng, báo chí, xuất bản
- 080 Những sưu tầm tổng quát
- 090 Những bản thảo và sách quý hiếm.

Dewey đã sử dụng hệ thống ký hiệu đồng nhất là chữ số Ả rập. Mỗi ký hiệu không thể ít hơn ba chữ số. Cụ thể số đầu tiên chỉ lớp cơ bản, số thứ hai chỉ lớp tiếp theo và số thứ ba chỉ lớp con.

Ví dụ: 372 Trường tiểu học. Trong đó:

3: Khoa học xã hội (lớp cơ bản)

37: Giáo dục (lớp tiếp theo)

372: Trường tiểu học (Lớp con của Giáo dục).

Số 0 luôn biểu hiện những vấn đề chung.

Ví dụ:

500 Những công trình chung về khoa học chính xác.

520 Những vấn đề chung về Thiên văn học.

Các ký hiệu có trên ba con số sẽ có một dấu chấm (.)



ngăn cách ba số đầu với các số sau. Khi ký hiệu có hơn 6 con số thì giữa số thứ sáu và số thứ bảy không có dấu chấm ngăn cách. Chỉ có một khoảng trống ngăn cách giữa hai số này.

Ví dụ: Lịch sử Phần lan từ 1917 có ký hiệu là 948. 970  
3

Hệ thống ký hiệu của DDC phản ánh cấu trúc đẳng cấp của bảng phân loại, vì thế vấn đề càng chi tiết thì ký hiệu càng dài.

Trong bảng DDC tính thống nhất rất được chú trọng trong cấu trúc ký hiệu. Các đuôi ký hiệu giống nhau có ý nghĩa như nhau.

Cấu trúc ký hiệu trong bảng phân loại DDC thống nhất về hình thức tạo ra ưu điểm của DDC là dễ nhớ và dễ sử dụng.

Ví dụ: Trong các đề mục Văn học các đuôi ký hiệu mang những số giống nhau đều thể hiện thể loại văn học giống nhau như:

- ....1 Thơ ca
- ....2 Bi kịch
- ....3 Tiểu thuyết
- ....4 Phóng sự
- ....5 Diễn văn
- ....6 Chữ viết (văn tự)

....7 Đả kích, trào phúng

....8 Tạp văn

Trong các đề mục Văn học liên quan đến địa lý sẽ có các đuôi ký hiệu:

....4 Châu Âu

....5 Châu Á

....6 Châu Phi

....7 Bắc Mỹ

....8 Nam Mỹ

....9 Đại dương và các Miền cực

Trong các đề mục liên quan đến Châu Âu thì:

....1 Scotlen và Ailen

....2 Anh và xứ Uên

....3 Đức và Áo

....4 Pháp

....5 Ý

....6 Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha

....7 Nga

....8 Na uy, Thụy Điển, Đan Mạch

....9 Các nước nhỏ khác ở châu Âu

Với những đặc điểm cấu tạo khoa học như vậy nên khi quan sát vào những ký hiệu cụ thể trong các lớp thuộc các



bạc phân chia khác nhau ta sẽ dễ dàng nhận thấy những con số đáng nhớ.

Ví dụ: Trong lớp 4 Ngôn ngữ và lớp 8 Văn học:

420 Ngôn ngữ Anh

430 Ngôn ngữ Đức, Áo

440 Ngôn ngữ Pháp

450 Ngôn ngữ Ý

460 Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha

.....

820 Văn học Anh

830 Văn học Đức

840 Văn học Pháp

850 Văn học Ý

860 Văn học Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha

Đi sâu hơn nữa vào các đề mục bên trong các lớp lại có thể thấy:

821 Thơ ca Anh

831 Thơ ca Đức

841 Thơ ca Pháp

851 Thơ ca Ý

.....

823 Tiểu thuyết Anh

833 Tiểu thuyết Đức

843 Tiểu thuyết Pháp

853 Tiểu thuyết Ý

Hay trong lớp về địa lý và lịch sử:

914 Địa lý Châu Âu

915 Địa lý Châu Á

916 Địa lý Châu Phi

917 Địa lý Bắc Mỹ

918 Địa lý Nam Mỹ

919 Địa lý Châu Đại dương và các Miền cực

.....

940 Lịch sử Châu Âu

950 Lịch sử Châu Á

960 Lịch sử Châu Phi

970 Lịch sử Bắc Mỹ

980 Lịch sử Nam Mỹ

990 Lịch sử Châu Đại dương và các Miền cực.

Tương tự trong lớp 920 Tiểu sử các nhân vật hoạt động trong các lĩnh vực khoa học ta cũng nhận thấy rõ sự thống nhất ký hiệu trong cách thể hiện lặp lại các khái niệm liên quan tới các lớp cơ bản bằng cách sử dụng các con số đứng cuối ký hiệu tương đương ký hiệu các lớp cơ bản:

921 Thân thể và sự nghiệp các nhà triết học, tâm lý học



922 Thân thế và sự nghiệp các nhà hoạt động trong lĩnh vực tôn giáo

923 Thân thế và sự nghiệp các nhà hoạt động trong lĩnh vực khoa học xã hội

924 Thân thế và sự nghiệp các nhà ngôn ngữ

925 Thân thế và sự nghiệp các nhà hoạt động trong lĩnh vực tự nhiên

926 Thân thế và sự nghiệp các nhà hoạt động trong lĩnh vực ứng dụng

927 Thân thế và sự nghiệp các nhà hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật

928 Thân thế và sự nghiệp các nhà hoạt động trong lĩnh vực văn học

929 Thân thế và sự nghiệp các nhà hoạt động trong lĩnh vực lịch sử và địa lý

Những ví dụ trên cho thấy Dewey đã tạo ra một sơ đồ cấu trúc chặt chẽ về nội dung và hình thức. Ở đây ta thấy các đuôi ký hiệu ....1, ....2, ....3, ....4, ....5, v.v. ứng với các lớp cơ bản 1 Triết học, 2 Tôn giáo, 3 Các khoa học xã hội, 4 Ngôn ngữ, 5 Khoa học, 6 Khoa học ứng dụng, v.v.

#### Các bảng phụ

Trong bảng DDC đầy đủ có 7 bảng phụ (còn gọi là bảng trợ ký hiệu). Các bảng này nhằm mục đích mở rộng ký hiệu các lớp của bảng chính. Các bảng phụ chỉ sử dụng để

phối hợp với các bảng chính mà không được phép sử dụng độc lập, giúp cho việc sử dụng bảng phân loại linh hoạt và có hiệu quả. Cụ thể 7 bảng trợ ký hiệu bao gồm:

Bảng 1: Bảng các đề mục chuẩn chung (bảng phụ hình thức). Bảng này có thể áp dụng để ghép với ký hiệu bảng chính ở tất cả các lĩnh vực.

Bảng 2: Bảng đề mục địa lý. Bảng này cũng áp dụng được ở mọi ký hiệu của bảng chính.

Bảng 3: Bảng phụ văn học. Bảng này chỉ sử dụng trực tiếp cho lớp 8 Văn học.

Bảng 4 và bảng 6: Hai bảng phụ ngôn ngữ. Hai bảng này dành riêng cho lớp 4 Ngôn ngữ.

Bảng 5: Bảng phụ dân tộc, chủng tộc. Bảng này dùng trực tiếp với các ký hiệu bảng chính.

Bảng 7: Bảng phụ nhân vật. Bảng này cũng sử dụng trực tiếp với ký hiệu bảng chính.

Phạm vi sử dụng các bảng trợ ký hiệu trong các môn ngành khác nhau không hoàn toàn giống nhau. Có một số bảng dùng để ghép cho tất cả các môn ngành nhưng có bảng chỉ dùng riêng cho một ngành hoặc một số môn ngành nhất định. Chẳng hạn như: Hai bảng phụ 4 và 6 chỉ được sử dụng trong lớp 4 là ngôn ngữ. Bảng 4 dùng để chia nhỏ các khái niệm ngôn ngữ ở các khía cạnh nghiên cứu và cấu trúc như: Âm học ngôn ngữ, vần, ngữ pháp, văn phạm, từ nguyên học, v.v.. Bảng 6 dùng để chia nhỏ các nhóm



ngôn ngữ như: nhóm ngôn ngữ Anglo-saxon, nhóm ngôn ngữ Ý, nhóm ngôn ngữ Roman, nhóm ngôn ngữ Slavơ v.v..

**Bảng phụ chuẩn chung** thể hiện những vấn đề chung nhất sử dụng cho hầu hết các ngành. Bảng trợ ký hiệu này bao giờ cũng có số 0 đứng trước để thể hiện hình thức của tài liệu và những vấn đề có tính chất lặp đi lặp lại của các ngành khoa học. Một số ký hiệu của bảng phụ chuẩn chung tương ứng với ký hiệu của bảng chính.

01 Triết học và lý thuyết (Ký hiệu của bảng chính 100)

02 Tạp văn

03 Từ điển, bách khoa toàn thư (Ký hiệu của bảng chính 030)

04 (Ký hiệu bỏ trống)

05 Ấn phẩm tiếp tục (Ký hiệu của bảng chính 050)

06 Cơ quan, tổ chức (Ký hiệu của bảng chính 060)

07 Nghiên cứu, giảng dạy

08 Tùng thư

09 Địa lý, lịch sử (Ký hiệu của bảng chính 900)

#### **Trợ ký hiệu địa lý:**

Trợ ký hiệu địa lý được thể hiện bằng các con số từ 1 đến 9.

1 tương ứng với các vùng lãnh thổ, các khu vực được sắp xếp theo địa lý tự nhiên (khí hậu đất đai, biển cả, thảm

thực vật) và định hướng chính trị (Khối phương Tây, Khối Cộng sản, Khối không liên kết)

3 tương ứng với các khu vực, các nước cổ đại (cho đến năm 500 sau CN)

4-9 tương ứng với các lục địa, các nước, các khu vực thế giới hiện đại (- 4 Châu Âu, - 5 Châu Á, - 6 Châu Phi, - 7 Bắc Mỹ, - 8 Nam Mỹ, - 9 Các phần còn lại của thế giới)

Khi xây dựng ký hiệu các khái niệm địa lý có quan hệ phụ thuộc được chia nhỏ theo cấp bậc.

Ví dụ:

4 Châu Âu

44 Pháp

441 -

Những ký hiệu này đôi khi được ghép với các con số biểu trưng cho một số lớp và lớp con để tạo thành ký hiệu chính.

Ví dụ:

554.4 Địa chất Pháp

914.4 Địa lý Pháp

944 Lịch sử Pháp.

Khi ghép trợ ký hiệu địa lý với ký hiệu của bảng chính thông thường phải dùng trợ ký hiệu chung 09.

#### **Trợ ký hiệu văn học:**

Trợ ký hiệu văn học chỉ sử dụng trong lớp 800. Có 3 bảng trợ ký hiệu văn học.



Bảng 3A: Tác phẩm của một tác giả hoặc về một tác giả cá biệt.

Bảng 3B: Tác phẩm liên quan đến một số tác giả

Bảng 3C: có thể bổ sung cho ký hiệu của bảng 3B và vào các chỉ số phân loại: 700.4, 791.4, 808-809 theo chỉ dẫn.

Đối với tác phẩm của một tác giả có thể phân loại chi tiết theo các thể loại:

1 Thơ ca

2 Kịch

3 Tiểu thuyết...

**Trợ ký hiệu ngôn ngữ**

Trợ ký hiệu ngôn ngữ gồm có 2 bảng: Bảng 4 và 6. Trợ ký hiệu ngôn ngữ chỉ sử dụng để ghép ký hiệu trong lớp 400.

Bảng 4 sử dụng để ghép với ký hiệu của bảng chính từ 420-490. Các trợ ký hiệu này thể hiện bằng các chữ số từ 1-8.

.1 Mã ngôn ngữ và tiếng nói

.2 Từ nguyên học

.3 Từ điển

.5 Ngữ pháp

.7 Các hình thức ngôn ngữ khác với ngôn ngữ hiện đại ngữ pháp chuẩn

.8 Ngôn ngữ ứng dụng.

Khi ghép nối trợ ký hiệu ngôn ngữ được ghép liền với ký hiệu của ngôn ngữ cần mô tả.

Ví dụ: - Tiếng Trung Quốc có ký hiệu là 495.1

Ngữ pháp tiếng Trung Quốc sẽ có ký hiệu là 495.15

- Tiếng Nga có ký hiệu là 491.7

Từ điển tiếng Nga sẽ có ký hiệu là 491.73...

Ngoài ra để mô tả các hệ ngôn ngữ và các ngôn ngữ khác nhau trên thế giới DDC còn xây dựng bảng 6. Trong bảng 6, các trợ ký hiệu được thể hiện bằng các chữ số từ -1 đến -9.

1 Các ngôn ngữ Ấn Âu đại cương

2 Các ngôn ngữ Ấn Âu

3 Hệ ngôn ngữ Đức

4 Hệ ngôn ngữ La mã

5 Tiếng Italia, Rumani, Rétô-Rôman

6 Tiếng Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha

7 Tiếng Latinh

8 Tiếng Hy Lạp

9 Các ngôn ngữ khác.

Trong từng hệ, nhóm ngôn ngữ các đề mục chia nhỏ để phản ánh các loại ngôn ngữ khác nhau.

Ví dụ:



4 Hệ ngôn ngữ La mã

41 Tiếng Pháp

49 Tiếng Prôvăngxơ và Catalônơ...

### **Trợ ký hiệu dân tộc**

Trợ ký hiệu dân tộc được xây dựng để mô tả các dân tộc trên thế giới.

1 Người Bắc Mỹ

2 Người Ăng lô

3 Người phương Bắc

...

9 Các nhóm khác

Các nhóm lại được chia thành các dân tộc cụ thể.

Ví dụ:

9 Các nhóm khác

95 Các dân tộc Đông Á và Đông Nam Á

951 Người Trung Quốc

956 Người Nhật

957 Người Triều Tiên

958 Người Mianma

959 Các dân tộc khác (Người Thái, Việt Nam, Campuchia)

Trợ ký hiệu dân tộc được ghép trực tiếp với ký hiệu của các môn loại của bảng chính.

Ví dụ: Tài liệu về Tâm lý tộc người Trung Quốc sẽ có ký hiệu là: 155.849 51. Trong đó 155.84 là ký hiệu của Tâm lý học tộc người và 951 là ký hiệu của dân tộc Trung Quốc.

### **Trợ ký hiệu nhân vật**

Trợ ký hiệu nhân vật được xây dựng để mô tả các nhóm người theo các tiêu chuẩn tổng quát và các chuyên gia trong các lĩnh vực nhất định.

Khi xây dựng các trợ ký hiệu cho các chuyên gia thuộc các lĩnh vực, người ta đã sử dụng lại ký hiệu của các lớp chính để ghép nối.

1 Về triết học tâm lý học

2 Về môn đồ tôn giáo

3 Về khoa học xã hội

4 Về ngôn ngữ

...

Trong bảng DDC rút gọn chỉ có 4 bảng trợ ký hiệu, đó là:

Bảng 1: Các đề mục chuẩn

Bảng 2: Bảng phụ địa lý.

Bảng 3: Bảng phụ văn học.

Bảng 4: Bảng phụ ngôn ngữ.

Cấu tạo và cách sử dụng các bảng trợ ký hiệu này có



những nét tương đồng như các bảng trợ ký hiệu tương ứng trong DDC đầy đủ.

Khi ghép các trợ ký hiệu của các bảng phụ với ký hiệu đề mục của bảng chính hoàn toàn phải tuân thủ theo quy định của Bảng. Trong DDC các trợ ký hiệu được ghép liền với ký hiệu của bảng chính không có các dấu hiệu quy ước như các bảng phân loại khác.

### 1.3 Ưu nhược điểm của bảng

Từ khi ra đời vào cuối thế kỷ XIX, bảng phân loại Dewey đã đóng góp tích cực vào sự phát triển nền thư viện học thế giới và có ý nghĩa rất lớn trong lịch sử phân loại thư viện, tư liệu nói chung.

Từ lần xuất bản đầu tiên vào năm 1876 với khối lượng 44 trang đến nay bảng phân loại DDC đã tái bản nhiều lần và được bổ sung, mở rộng lên đến trên 4000 trang. Bảng DDC được sử dụng rộng rãi ở Mỹ, Tây Âu và một số nước Châu Á. So với các bảng phân loại khác bảng DDC có tính quốc tế cao.

Công lao của Dewey thể hiện ở chỗ ông là người đưa ra nguyên tắc thập tiến thể hiện thứ bậc trong bảng phân loại. Với nguyên tắc này Dewey đã xây dựng được hệ thống ký hiệu theo cấp bậc phản ánh mối quan hệ logic giữa các đề mục. Nhiều khung phân loại khác sau này đã áp dụng các nguyên tắc do Dewey đề ra.

Bảng DDC là bảng phân loại có tính quốc tế cao, được sử dụng rộng rãi nhất trên thế giới. Bảng phân loại này liên tục được cập nhật, bổ sung.

Tuy nhiên bên cạnh những ưu điểm rất lớn kể trên, khung phân loại DDC không tránh khỏi một số hạn chế mà nhiều nhà lý luận về phân loại trên thế giới đã tổng kết và đánh giá. Nguyên tắc thập tiến chỉ cho phép chia nhỏ các khái niệm ra đến 10 lớp con, những trường hợp cần chia nhỏ các khái niệm hơn 10 lớp con thì sẽ không thực hiện được do bị khống chế bởi 10 con số.

Về mặt kết cấu các ngành khoa học trong bảng phân loại này cũng còn có những điểm chưa hợp lý mà nhiều nhà phân loại học đã phê phán như ghép Nghệ thuật với Thể thao (lớp 7), ghép Lịch sử với Địa lý (lớp 9) trong khi đó lại tách rời Ngôn ngữ (lớp 4) với Văn học (lớp 8), Lịch sử (lớp 9) với Khoa học xã hội (lớp 3).

— DDC là khung phân loại phản ánh hiện trạng phân loại thư viện và phân loại tài liệu Châu Âu và Mỹ là chủ yếu, chưa đại diện cho nền văn hoá và khoa học của cả thế giới. Sự phân chia các lớp không đồng đều, trừ Châu Âu còn các châu lục khác chưa được chú ý đúng mức. Ta có thể thấy ở DDC có nhiều đề mục lớn và mở rộng rất chi tiết dành cho Châu Âu và Mỹ. Ví dụ: lớp 200 *Tôn giáo* dành riêng một loạt các phân lớp 230 - 280 cho thiên chúa giáo. Có một đề mục riêng 270 cho *Lịch sử nhà thờ thiên chúa giáo*, trong khi đó Các tôn giáo khác bao gồm tất cả đạo Phật, đạo